

VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆC DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

LƯƠNG THANH MAI *

Tóm tắt: Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, một loạt các mô hình giáo dục mới như đào tạo từ xa, dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến, giáo dục tương tác đã ra đời và được tiếp cận rộng rãi trên thế giới. Thông qua các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook, WhatsApp và Youtube, giáo viên có thể hỗ trợ người học nâng cao năng lực học và sử dụng ngôn ngữ. Bài viết này nhằm mục đích giới thiệu khái niệm cùng những đặc điểm của truyền thông xã hội, những lợi ích cũng như thách thức mà nó mang lại cho hoạt động dạy và học. Dựa trên kết quả nghiên cứu được triển khai tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế những khó khăn trong việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội vào hoạt động dạy và học ngoại ngữ.

Từ khóa: Truyền thông xã hội, dạy học ngoại ngữ, dạy học kết hợp, công nghệ thông tin, tương tác.

Abstract: With advancements in science and technology, many new educational models appear, and they have widely been accessed. Through several social media platforms such as Facebook, Whatsapp and Youtube, teachers can support learners in improving language competence and language use. This article aims to introduce the definition, some typical features of social media, and the benefits as well as challenges that social media brings to teaching-learning processes. From the results of the study which were carried out at the Schools of Foreign Languages, Hanoi University of Science and Technology, some recommendations have been

given in order to reduce the difficulties faced by both students and teachers in applying social media to their foreign language learning and teaching activities.

Keywords: Social media, foreign language teaching, blended learning, information technology, interacting.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, công nghệ thông tin mà cụ thể là truyền thông xã hội đã ảnh hưởng đến mọi mặt của cuộc sống nói chung và đến giáo dục nói riêng. Truyền thông xã hội tồn tại và giúp con người giao tiếp theo nhiều hình thức khác nhau. Động lực chính cho sự phát triển này có lẽ là do bản tính con người thích khám phá, sự kết nối không biên giới, sự trao đổi thông tin và quan điểm giữa người dùng Internet ở khắp nơi trên thế giới. Truyền thông xã hội cho phép người dùng vượt ra ngoài biên giới đất nước mình, kết nối và thể hiện bản thân trên phạm vi toàn cầu [9].

Theo đó, truyền thông xã hội mang lại cơ hội dạy và học tiếng nước ngoài cho giáo viên (GV) cũng như sinh viên (SV) vì họ có thể trao đổi tin nhắn văn bản, hình ảnh, video, đồng thời có thể chỉnh sửa hoặc

* ThS - Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Email: mailt82@gmail.com

chia sẻ các hình ảnh đó với SV nhằm đạt được những mục tiêu giáo dục nhất định. Với phương pháp này, người học có thêm nhiều không gian để trao đổi, hợp tác và từ đó phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân [8]. Trong một nghiên cứu mới đây, nhà nghiên cứu Mondahl và các cộng sự đã chỉ ra rằng một số SV học và lấy cảm hứng học tập từ truyền thông xã hội đạt được kết quả tốt hơn trong các bài kiểm tra năng lực tiếng Anh so với những SV chỉ học ngoại ngữ theo phương pháp truyền thống [6].

Chúng ta không thể phủ nhận những tác động mạnh mẽ của truyền thông xã hội đối với cuộc sống của mỗi cá nhân ở khắp nơi trên thế giới và chúng ta cũng cần phải quan tâm tới ý kiến cho rằng học sinh, SV ngày nay không còn phụ thuộc hoàn toàn vào các phương pháp học tập truyền thống mà họ đã tích cực, chủ động tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là trên các phương tiện truyền thông xã hội.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm truyền thông xã hội

Định nghĩa của Kaplan và Haenlein xoay quanh khái niệm về truyền thông xã hội trên nền tảng kỹ thuật số, trong đó nhấn mạnh vào nội dung do người dùng tự sáng tạo ra hoặc sự tương tác. Theo Kaplan thì truyền thông xã hội mang đặc điểm của kênh thông tin dưới dạng thông điệp trực tiếp hoặc thông qua các công cụ như Facebook hay Twitter để minh họa các loại hình tương tác [4]. Cũng có một số khái niệm khác về truyền thông xã hội ở mức đơn giản hơn, chú ý tới bản chất của việc hình thành thông điệp. Ví dụ như Razak đã định nghĩa truyền thông xã hội là tất cả những gì thúc đẩy giao tiếp trực tuyến, kết nối và/hoặc hợp tác với nhau” [7]. Mondahl lại đưa ra một khái niệm phức tạp trong đó nêu rõ truyền thông xã hội

gồm ba thành phần: (a) hạ tầng thông tin và các công cụ dùng để xây dựng và phân phối nội dung; (b) nội dung thông tin dưới dạng thông điệp cá nhân, tin tức, ý kiến và các sản phẩm văn hóa; và (c) các cá nhân, tổ chức và các ngành công nghiệp tạo ra và sử dụng nội dung số” [6].

2.2. Đặc điểm của truyền thông xã hội

Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau song theo Kaplan thì đặc điểm nổi bật của truyền thông xã hội đó là tính tương tác. Truyền thông xã hội về bản chất luôn có yếu tố xã hội đó là tìm kiếm, xây dựng hoặc duy trì sự tương tác xã hội giữa người dùng [3]. Tuy nhiên, sự tương tác này không nhất thiết phải là giữa các cá nhân với nhau. Khi các chương trình máy tính ngày càng phức tạp, các cá nhân có thể gửi và nhận tin nhắn từ các thuật toán - các chương trình máy tính giúp làm tăng số lượng phản hồi bằng cách bắt chước sự tương tác thật của con người.

Đặc điểm tiếp theo của truyền thông xã hội đó là người dùng tạo ra giá trị. Giá trị của truyền thông xã hội có thể khác so với nội dung của nó vì theo Mondahl nội dung của truyền thông xã hội không nhất thiết phải do người dùng cá nhân mà có thể do tập thể tạo ra. Sự tương tác với người dùng khác chính là động lực để nội dung thông tin được duy trì và ngày càng mở rộng [6].

Đặc điểm thứ ba là truyền thông xã hội mang tính đại chúng. Theo Al Fadda thì điều này xảy ra khi nhiều kênh truyền thông có vai trò kết nối các cá nhân và truyền thông tin tới đông đảo công chúng [1]. Một số công cụ như Youtube, Facebook và Twitter được coi là nơi để khám phá truyền thông công chúng vì nó cho phép các cá nhân truyền tin nhắn tới nhiều khán giả trong khi người nhận có thể hồi đáp tin nhắn cho cá nhân hoặc cho nhiều người cùng một lúc.

3. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu về vai trò của truyền thông xã hội đối với việc dạy và học ngoại ngữ là nhóm SV và GV giảng dạy tiếng Anh khoa học kỹ thuật tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Bài viết sử dụng kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu: định tính và định lượng để thu thập dữ liệu, trong đó phỏng vấn sâu và điều tra bảng hỏi là hai công cụ chính.

Điều tra bảng hỏi dùng để tìm hiểu việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội trong quá trình học ngoại ngữ của SV và những khó khăn mà SV gặp phải. Phiếu điều tra chủ yếu sử dụng câu hỏi lựa chọn theo 5 mức độ của Likert. Ngoài ra, chúng tôi còn có phần câu hỏi mở để SV có thể trình bày thêm ý kiến cá nhân.

Để có được thông tin đa dạng từ nhiều nhóm SV khác nhau, phiếu điều tra được phát cho 120 SV trong đó có 30 SV năm thứ nhất, 30 SV năm thứ hai, 30 SV năm thứ 3 và 30 SV năm thứ 4 đều học chuyên ngành tiếng Anh khoa học kỹ thuật tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Thời gian điều tra: tháng 3/2022.

Phỏng vấn sâu được tiến hành với 5 GV dạy tiếng Anh tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Các thầy cô đã có từ 10-15 năm kinh nghiệm giảng dạy ngoại ngữ tại Trường.

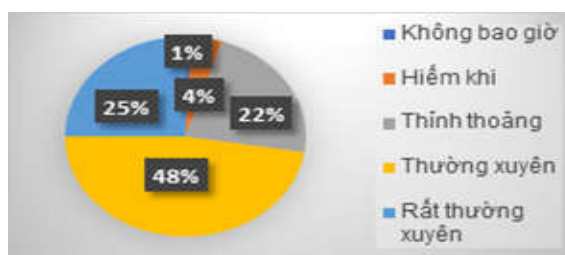
Nhằm mục đích giữ kín thông tin, mỗi giáo viên được đặt câu hỏi trong một cuộc phỏng vấn riêng kéo dài từ 10-15 phút. Nội dung phỏng vấn được ghi chép cẩn thận để đảm bảo độ chính xác.

Dữ liệu thu thập từ phiếu điều tra bảng hỏi và phỏng vấn sâu được thống kê và minh họa bằng bảng và biểu đồ, từ đó đưa ra kết quả nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội trong việc dạy và học ngoại ngữ.

* Tần suất sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội trong việc dạy và học ngoại ngữ:



Hình 1. Tần suất sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội cho việc học ngoại ngữ

Theo kết quả điều tra qua phiếu khảo sát, đại đa số SV tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội có sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, trong đó có 25% sử dụng rất thường xuyên, 48% SV sử dụng thường xuyên và 22% thỉnh thoảng sử dụng. Trong tổng số 120 SV được hỏi, chỉ có 5% SV cho biết các em không bao giờ hoặc hiếm khi dùng các phương tiện truyền thông xã hội.

Phù hợp với kết quả từ phiếu điều tra, cả 5 GV tham gia phỏng vấn cho biết các thầy cô cũng thường xuyên sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội vì đây là xu thế chung của xã hội chứ không riêng lĩnh vực giáo dục.

Từ số liệu thống kê trên có thể thấy rằng các phương tiện truyền thông xã hội đang ngày càng phổ biến, đặc biệt là khi SV và GV được trang bị đầy đủ máy tính và điện thoại thông minh phục vụ cho việc dạy và học của mình.

* Mục đích sử dụng các phương tiện xã hội:

Với đại đa số SV và GV đều biết cách tiếp cận với các phương tiện truyền thông xã hội, câu hỏi đặt ra là vậy truyền thông xã

hội có được sử dụng cho mục đích học tập hay không?

hội để giao bài tập lớn, các dự án cho cá nhân hoặc các nhóm SV thì có tới 64%

Nội dung	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Tôi sử dụng các phương tiện truyền thông để tương tác với giáo viên dạy ngoại ngữ	0	5,9	12,5	60,8	20,8
Tôi sử dụng phương tiện truyền thông để giao tiếp bằng ngoại ngữ với bạn bè quốc tế	4,2	10	16,7	45,8	23,3
Tôi sử dụng phương tiện truyền thông để hợp tác với bạn cùng lớp thực hiện các dự án hoặc bài tập lớn theo yêu cầu của giáo viên	0,8	7,5	27,5	48,3	15,9
Tôi sử dụng phương tiện truyền thông để đăng các bài viết bằng tiếng nước ngoài về các chủ đề đã được học hoặc nghiên cứu	7,5	20,8	14,2	40	17,5
Tôi sử dụng phương tiện truyền thông để học ngoại ngữ trực tuyến trên mạng Internet	4,1	10	21,7	37,5	26,7

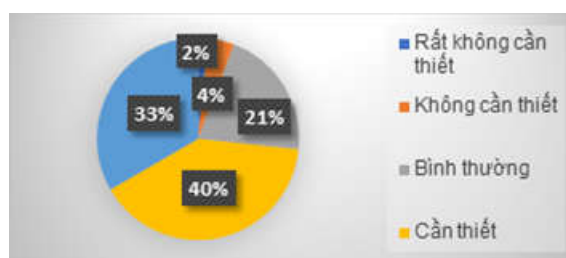
Bảng 1. Mục đích sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội của sinh viên (đơn vị tính: %)

Theo bảng tổng hợp kết quả từ phiếu điều tra, phần lớn SV đều sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội vào việc tương tác với GV dạy ngoại ngữ, 81,6% SV tham gia khảo sát cho biết các em thường xuyên hoặc rất thường xuyên tương tác với GV. Bên cạnh đó, các phương tiện truyền thông xã hội còn hỗ trợ SV giao tiếp với bạn bè quốc tế. Mặc dù có tới 30,9% SV được hỏi cho biết các em thỉnh thoảng hoặc hiếm khi giao tiếp với bạn người nước ngoài qua các phương tiện truyền thông xã hội, nhưng số lượng SV thường xuyên và rất thường xuyên giao tiếp vẫn chiếm số lượng lớn với 69,1%. Điều này chứng tỏ rằng trong xu thế toàn cầu hóa, mọi người khắp nơi trên thế giới đều có nhu cầu giao lưu, học hỏi lẫn nhau thì truyền thông xã hội thực sự là chiếc cầu nối hữu hiệu giúp SV được kết nối với bạn bè quốc tế.

GV tham gia phỏng vấn cho biết phương tiện truyền thông xã hội là kênh để kết nối giao tiếp, tăng tương tác giữa thầy cô với SV không chỉ trong mà cả ngoài giờ học. Nếu như thầy cô sử dụng phương tiện xã

được hỏi cho biết các em sử dụng truyền thông xã hội để hợp tác với bạn trong quá trình làm bài tập do GV yêu cầu hoặc 57% SV đăng các bài viết bằng tiếng nước ngoài về những chủ đề đã được học trên lớp.

4.2. Tầm quan trọng của các phương tiện truyền thông xã hội đối với dạy và học ngoại ngữ



Hình 2. Sự cần thiết của các phương tiện truyền thông xã hội đối với dạy và học ngoại ngữ

Theo kết quả từ phiếu khảo sát, 73% SV được hỏi cho rằng truyền thông xã hội là cần thiết hoặc rất cần thiết cho việc học ngoại ngữ. Nhận thức về vai trò của truyền thông xã hội với việc học ngoại ngữ như vậy cũng hoàn toàn phù hợp với bảng tổng hợp từ

phiếu điều tra với những câu hỏi cụ thể về những lợi ích mà truyền thông xã hội mang lại cho SV (xem Bảng 2).

4.2.1. Truyền thông xã hội giúp tăng sự tương tác và hợp tác của người học

Theo Eren, truyền thông xã hội có vai trò quan trọng đối với một nền giáo dục chất lượng cao, giúp tạo ra môi trường xã hội cho hoạt động học tập và thúc đẩy sự tương tác, hợp tác và tư duy biện chứng của SV [2]. Razak và các cộng sự thậm chí còn cho rằng trong tương lai, truyền thông xã hội có thể thay đổi hoàn toàn diện mạo của hệ thống giáo dục, khuyến khích SV học có chiều sâu hơn thay vì chỉ tham gia lớp học một cách thụ động [7]. Mặc dù giáo dục không phải là mục tiêu trực tiếp mà truyền thông xã hội hướng tới nhưng đã thu hút sự chú ý của GV vì nó là một công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc dạy và học ngoại ngữ. Quan điểm này của các nhà nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với kết quả khảo sát SV và GV tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Bảng tổng hợp kết quả điều tra cho thấy gần như 100% SV được

hỏi đồng ý rằng truyền thông xã hội giúp các em có hứng thú học tập hơn do có sự tương tác tích cực với thầy cô và bạn bè nhằm trao đổi các vấn đề học thuật.

Thực tế cho thấy học ngoại ngữ không phải là hoạt động của một cá nhân riêng lẻ mà nó là hoạt động cần tới tập thể, cần sự giao tiếp [6]. Theo Krassen thì việc phát triển môi trường học ngôn ngữ tích cực, chủ động là yếu tố cơ bản hỗ trợ người học ngoại ngữ [5] và truyền thông xã hội có thể được tích hợp vào chương trình dạy ngoại ngữ một cách có chủ đích và ở mức độ phù hợp nhằm thúc đẩy tính cộng đồng trong học tập mà người học có thể tham gia thường xuyên vào những cộng đồng đó.

Cả 5 GV tham gia phỏng vấn cũng cho rằng truyền thông xã hội giúp SV chủ động tích cực hơn trong quá trình học, mối quan hệ thầy trò cũng được cải thiện do có sự tương tác tốt giữa thầy cô với SV. Cũng theo các GV này thì SV trong thời đại mới không chỉ học theo cách truyền thống là nghe giảng và ghi chép mà các em có thể mở rộng hiểu biết về thế giới bên ngoài

Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Rất đồng ý
Truyền thông xã hội giúp tôi có hứng thú hơn khi học ngoại ngữ	0	0	4,2	60,8	35
Tôi có thêm cơ hội giao tiếp với giáo viên nước ngoài và bạn bè quốc tế khi sử dụng truyền thông xã hội trong học tập	1,6	5	10	44,2	39,2
Tôi cải thiện được các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng viết khi đăng các bài viết bằng tiếng nước ngoài trên các phương tiện truyền thông xã hội	4,2	10	12,5	40,8	32,5
Tôi cảm thấy việc học ngoại ngữ của mình có nhiều tiến bộ khi kết hợp học trực tiếp ở trường với tương tác thường xuyên trên các phương tiện xã hội để trao đổi về các vấn đề học thuật	0	2,5	5,8	62,5	29,2
Các phương tiện truyền thông mang lại nhiều nguồn tài liệu ngoại ngữ thú vị để tôi luyện tập hàng ngày	0,8	6,7	8,3	64,2	20

Bảng 2. Sinh viên đánh giá về những lợi ích mà truyền thông xã hội mang lại (đơn vị tính: %)

thông qua các phương tiện truyền thông. Chính vì vậy, phương tiện truyền thông thực sự giúp SV tạo ra mạng lưới trao đổi học thuật trên phạm vi rộng lớn hơn.

Các nền tảng truyền thông xã hội như mạng xã hội (Facebook), blogs (Twitter), các dự án hợp tác (Wiki), Youtube, hoặc thế giới xã hội ảo mang lại cơ hội giao tiếp không giới hạn trong thế giới ảo và đây chính là yếu tố hỗ trợ cho quá trình học ngôn ngữ [1]. Theo nghiên cứu của Razak và các cộng sự thì thông qua Blog và Twitter, người học có thể duy trì thói quen viết những bài báo phản chiếu (*reflective journal*) để nêu lên suy nghĩ cá nhân về một vấn đề nào đó [7]. Những bài báo này khi được viết bởi ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ cũng là cơ sở để GV có thể đánh giá sự tiến bộ của người học một cách toàn diện hơn trong quá trình tiếp cận một ngôn ngữ mới.

Theo Thorne, các phương tiện truyền thông xã hội còn giúp phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà người học cần để đọc tài liệu và tin tức [9]. Giáo viên có thể yêu cầu sinh viên tự tìm tài liệu từ các trang báo, sau đó tạo bài viết bình luận nhằm khuyến khích SV đưa ra góc nhìn và quan điểm cá nhân của riêng mình. Đồng thời, GV tương tác với SV bằng cách đưa nhận xét dưới dạng viết hoặc nói thông qua một số công cụ hỗ trợ lưu lại giọng nói có trên các trang web. Như vậy, việc học ngôn ngữ thông qua truyền thông xã hội được tiếp cận dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào hoạt động học tập, hình thức đào tạo cũng như mục đích và kết quả đầu ra mong muốn.

4.2.2. Truyền thông xã hội hỗ trợ mô hình dạy học kết hợp giữa lớp học truyền thống với lớp học ảo

Ứng dụng truyền thông xã hội trong việc dạy ngoại ngữ có thể hỗ trợ cho mô hình

dạy học kết hợp (*blended learning*) giữa dạy học truyền thống với dạy học trực tuyến. Với mô hình lớp học kết hợp, GV có thể vừa tương tác với người học ở lớp học trực tiếp vừa tương tác trong không gian số và như vậy họ có thể hỗ trợ SV được nhiều hơn, kịp thời giải đáp thắc mắc hoặc cùng SV giải quyết những khó khăn phát sinh trong quá trình học.

Trả lời phỏng vấn về sự kết hợp các phương tiện truyền thông xã hội với các lớp học truyền thống, cô A, GV có 13 năm giảng dạy ngoại ngữ tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, cho biết trong thời gian gần đây, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, mô hình học kết hợp ngày càng thể hiện rõ những ưu điểm vượt trội. Nhiều nội dung học trực tiếp giờ được chuyển thành các nội dung học trực tuyến với sự hỗ trợ của mạng Internet và các phần mềm giáo dục, nhờ đó SV vẫn tiếp thu được kiến thức dù các em không phải đến trường.

4.2.3. Truyền thông xã hội là công cụ giúp đánh giá người học toàn diện và đáp ứng yêu cầu của các nhà hoạch định chính sách về đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ

Không chỉ hỗ trợ mô hình học kết hợp trực tuyến và trực tiếp, phương tiện truyền thông xã hội còn là công cụ đắc lực giúp GV đánh giá toàn diện quá trình học tập của SV cả trong lớp học lẫn thời gian tự học. Căn cứ vào sự hợp tác trong làm việc nhóm, từ những bài viết của SV đăng trên các diễn đàn học thuật, giáo viên có thêm cơ sở để đánh giá quá trình học của các em. Quan điểm này nhận được sự tán thành của cả 5 GV tham gia phỏng vấn với những chia sẻ tích cực.

Tuy nhiên, các thầy cô cũng thừa nhận rằng cũng có một số vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình học trực tuyến mà cả

thầy và trò đều gặp khó khăn, đôi khi khiến cho quá trình dạy học bị gián đoạn.

Ý kiến này của các thầy cô cũng được phản ánh trong một số nghiên cứu của các chuyên gia giáo dục trên thế giới. Theo nghiên cứu của Norm Vaughan thuộc Trường Đại học Calgary Canada thì với mô hình dạy học kết hợp giúp SV có thời gian biểu linh hoạt và nâng cao hiệu quả học tập [10]. Khi mới chuyển sang mô hình học kết hợp, SV có thể gặp một số vướng mắc cụ thể là họ cần có kỹ năng quản lý thời gian tốt hơn và tính trách nhiệm cao hơn với việc học của mình. Bên cạnh đó cũng cần phải kể đến những vấn đề về công nghệ mà người học phải khắc phục như chi phí đầu tư cho trang thiết bị, những sự cố kỹ thuật liên quan đến đường truyền Internet,... Tuy nhiên cũng theo nghiên cứu của Vaughan và các cộng sự thì xét về góc độ quản lý, mô hình học kết hợp mà vai trò chủ đạo là việc phát huy sức mạnh của truyền thông xã hội mang lại cơ hội nâng cao uy tín của cơ sở giáo dục, giảm chi phí vận hành và giúp cải tiến phương pháp dạy học, giảm bớt các công tác liên quan đến giấy tờ, sổ sách theo cách truyền thống, thay vào đó GV có thời gian nghiên cứu, tiếp cận với công nghệ hiện đại để bài giảng hấp dẫn, cuốn hút hơn [10].

4.3. Những thách thức trong việc dạy và học ngoại ngữ khi sử dụng truyền thông xã hội

Bên cạnh những ưu điểm nổi trội mang lại cho người dạy và học ngoại ngữ thì truyền thông xã hội cũng tạo ra một số thách thức. Kết quả điều tra về vấn đề này được thể hiện trong *Bảng 3 (Xem Bảng 3)*:

Trước hết phải kể đến sự đầu tư cơ sở vật chất để sử dụng được truyền thông xã hội trong hoạt động dạy và học, ví dụ như điện thoại thông minh, máy tính, đường truyền Internet tốc độ cao, các nguồn học liệu được

biên soạn hoàn chỉnh phù hợp với trình độ người học ở các cấp khác nhau. Với những quốc gia nghèo hoặc các nước đang phát triển thì việc đáp ứng đủ cơ sở vật chất như vậy thực sự là vấn đề khó khăn, không thể giải quyết được trong một thời gian ngắn [8]. Đây cũng chính là khó khăn mà SV Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tham gia khảo sát gặp phải. 72,5% SV được hỏi cho rằng cơ sở vật chất là yếu tố khiến SV gặp khó khăn khi tiếp cận với các phương tiện truyền thông xã hội.

Thách thức thứ hai đó là công tác đào tạo GV để sử dụng hiệu quả truyền thông xã hội trong giảng dạy. Thiếu quy trình đào tạo đồng bộ cho GV và SV có thể khiến cho việc sử dụng truyền thông xã hội vào quá trình dạy và học trở nên phức tạp thay vì phát huy được hết tiềm năng của công nghệ. 75% SV trả lời trong phiếu điều tra rằng các em gặp vướng mắc khi xử lý các vấn đề kỹ thuật trong quá trình sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội. Đồng thời, 4 trong 5 GV phỏng vấn cũng chia sẻ họ chưa được đào tạo chuyên môn sâu để sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội nên chưa khai thác được hết các ứng dụng tiềm năng cho việc dạy ngoại ngữ.

Một vấn đề nữa gây quan ngại cho đội ngũ giáo viên và các nhà quản lý đó là các phương tiện truyền thông có thể là yếu tố khiến SV mất tập trung. 65,9% SV khảo sát cho biết đôi khi truyền thông xã hội khiến các em tiêu tốn nhiều thời gian, và 60% SV đồng ý rằng sử dụng nhiều thời gian trên mạng xã hội có ảnh hưởng tới sức khỏe, đặc biệt là thị lực.

Đây cũng là những thách thức được nhà nghiên cứu Norm Vaughan đề cập tới vì theo ông thì các công cụ như Facebook và Twitter có thể lôi cuốn người học vào những nội dung xã hội khác thay vì tham

Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Rất đồng ý
Tôi phải mất thêm chi phí mua máy tính, điện thoại thông minh để có thể sử dụng phương tiện truyền thông xã hội cho việc học của mình	5,8	10	11,7	58,3	14,2
Tôi gặp khó khăn khi kết nối mạng và xử lý các vấn đề kỹ thuật liên quan	8,3	12,5	4,2	54,2	20,8
Một số chủ đề trao đổi trên các phương tiện truyền thông xã hội không hoàn toàn phục vụ cho việc học ngoại ngữ của tôi	14,2	12,5	16,7	48,3	8,3
Đôi khi việc sử dụng truyền thông xã hội khiến tôi tốn nhiều thời gian	5,8	7,5	20,8	45,9	20
Dành nhiều thời gian tương tác trên các phương tiện truyền thông xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của tôi	12,5	10,8	16,7	37,5	22,5

*Bảng 3. Những thách thức trong việc dạy và học ngoại ngữ khi sử dụng truyền thông xã hội
(đơn vị tính: %)*

gia bài giảng và SV sử dụng các mạng xã hội này để thảo luận tới các vấn đề không nằm trong chương trình học mà GV khó có thể kiểm soát được [10]. Ngoài ra một số ý kiến cũng cho rằng truyền thông xã hội còn làm giảm hoạt động giao tiếp mặt đối mặt giữa GV và người học và điều này gây bất lợi cho việc học ngoại ngữ.

Mặc dù có những khó khăn và thách thức khi triển khai sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ, nhưng khi được hỏi trong tương lai các thầy cô và các em SV có tiếp tục sử dụng truyền thông xã hội không thì 100% đều chọn câu trả lời “có”. Điều đó chứng tỏ cả GV và SV đều đánh giá cao việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội và thực sự đây là một hướng tích cực giúp mang lại môi trường học tập năng động, cởi mở.

5. Một số đề xuất

Căn cứ vào thực trạng nêu trên, bài viết đưa ra một số giải pháp như sau:

5.1. Đối với sinh viên

SV cần được trang bị các phương tiện kỹ

thuật (máy tính hoặc điện thoại thông minh) để có thể tiếp cận với truyền thông xã hội. Tuy nhiên, những SV có hoàn cảnh khó khăn cần được hỗ trợ từ phía nhà trường hoặc các tổ chức để hiện thực hóa việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội cho việc học của mình.

Bên cạnh đó, nhận thức được vai trò của truyền thông xã hội đối với việc học ngoại ngữ, SV cần xác định rõ mục đích sử dụng truyền thông xã hội để tránh tiêu tốn thời gian vào những thông tin không hữu ích, không phục vụ cho học tập. Đặc biệt, SV nên từ chối tham gia bàn luận những chủ đề nhạy cảm trên các trang mạng xã hội để không bị lôi cuốn vào những luồng tư tưởng thiếu lành mạnh.

Máy tính và mạng Internet mang lại nhiều lợi ích nhưng đồng thời cũng có nhược điểm là ảnh hưởng đến sức khỏe nếu con người sử dụng trong thời gian dài. Chính vì vậy, SV cần cân đối thời gian để đảm bảo sức khỏe thể chất, tránh những tác hại không đáng có.

Trong quá trình sử dụng các phương tiện

truyền thông xã hội nếu phát sinh những vấn đề kỹ thuật, SV có thể chủ động tìm kiếm các giải pháp để sửa lỗi hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ, tư vấn của bạn bè hoặc những người có hiểu biết về chuyên môn.

5.2. Đối với giáo viên

Là những người trực tiếp truyền tải kiến thức và mang các phương tiện xã hội đến gần hơn với SV, hơn ai hết các GV cần được đào tạo đồng bộ để có thể khai thác hiệu quả truyền thông xã hội cho hoạt động giảng dạy của mình. Điều này đòi hỏi các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách cần chú ý đến các chương trình tập huấn để GV được thường xuyên cập nhật thông tin và sử dụng thành thạo công nghệ trong giảng dạy.

GV cần có định hướng cho SV bằng cách tương tác thường xuyên, đưa ra những nội dung, yêu cầu cụ thể để SV làm dự án hay đăng bài viết phù hợp, tránh tình trạng SV sử dụng truyền thông xã hội vào các hoạt động không đúng mục đích giáo dục.

GV cũng nên chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, khai thác tiềm năng to lớn của truyền thông xã hội để làm cho bài giảng sinh động, cuốn hút hơn đối với SV.

6. Kết luận

Dạy ngoại ngữ là công việc đòi hỏi nhiều cách tiếp cận sáng tạo và gần đây khoa học công nghệ mà cụ thể là truyền thông xã hội đã góp phần đáng kể trong việc giảm tải áp lực cho GV. Rõ ràng là người học có thể nâng cao năng lực ngôn ngữ tốt hơn nếu họ được đắm mình trong môi trường giao tiếp sử dụng ngôn ngữ đó. Truyền thông xã hội cho phép người học tiếp cận với nội dung bài học ở bất cứ đâu, bất kỳ khi nào và nhờ đó làm tăng hiệu quả học tập.

Mặc dù còn tồn tại một số thách thức về cơ sở vật chất, biện pháp triển khai công nghệ và đào tạo kỹ năng sử dụng truyền thông xã hội cho người dạy và học ngoại ngữ, song truyền thông xã hội thực sự là nguồn cung cấp thông tin vô tận đem lại nhiều cơ hội phát triển cho các cơ sở đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Al Fadda, H., M., A.,-Y., "Using web blogs as a tool to encourage pre-class reading, post-class reflections and collaboration in higher education", *US-China Education Review*, Vol. 7(7), pp. 100-107, 2010.
- [2] Eren, O., "Students' attitude towards using social networking in foreign language classes: A Facebook example", *Public Relations Journal*, Vol. 4(3), pp. 288-294, 2012.
- [3] Kaplan, A. M., & Haenlein, M., "Users of the world, unite! The challenges and opportunities of Social Media", *Business Horizons*, Vol. 56(3), pp. 158-163, 2010.
- [4] Kaplan, A. M., & Haenlein, M., "Two hearts in three-quarter time: How to waltz the social media/viral marketing dance", *Business Horizons*, Vol. 54(3), pp. 253-263, 2011.
- [5] Krashen, S. D., *Inquiries & insights: second language teaching: immersion & bilingual education, literacy*, Alemany Press, Hayward, 1985.
- [6] Mondahl, M., Rasmussen, J., & Razmerita, L., "Web 2.0 Applications, Collaboration and Cognitive Processes in Case-based Foreign Language Learning", in M. Lytras (Ed.), *2nd World Summit On The Knowledge Society*, Vol. LNAI 5736, pp. 98-107, 2009.
- [7] Razak, F. H. A., Razak, N. A., & Ahmad, N. A., "How Simple is Simple: Our Experience with Older Adult Users", in *Proceedings of the APCHI*, pp. 24-27, 2013.
- [8] Selwyn, N., "Face working: exploring students' education-related use of Facebook", *Journal of Learning Media and Technology*, Vol. 34(2), pp. 157-174, 2009.
- [9] Thome, S. L., Black, R. W., & Sykes, J. M., "Second language use, socialization, and learning in Internet interest communities and online gaming", *The Modern Language Journal*, Vol. 93, pp. 802-821, 2009.
- [10] Vaughan, N. D., Reali, A., Stenbom, S., Jansen Van Vuuren, M., & MacDonald, D., "Blended learning from design to evaluation: International case studies of evidence-based practice", *Online Learning Journal*, Vol. 21(3), pp. 103-113, 2017.